

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **194/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 20/12/2024.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Bùi Thị Ngọc Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Lý V**, sinh năm 2002; Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Thị T**, sinh năm: 2004; Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên anh Nguyễn Lý V trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Lý V và chị Thị T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh và chị Thị T được gia đình hai bên tổ chức làm đám cưới vào đầu năm 2024

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2024. Sau thời gian 01 tháng chung sống với nhau thì anh và chị Thị T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, chị Thị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và mang theo sổ vàng ngày cưới; vụ việc cũng được ban hoà giải ở cơ sở của ấp hoà giải nhưng không thành, hiện nay anh và chị T đã sống ly thân với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị Thị T.

- *Về con chung*: Anh V và chị Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- *Về tài sản*: Theo anh V trình bày khi anh và chị Thị T cưới nhau thì anh chị được cha mẹ hai bên cho một số nữ trang gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24kr; 01 bộ kiềng cổ 02 chỉ vàng 24kr; 01 bộ vòng simen 7 chỉ vàng 18kr và số tiền làm đám cưới là 55.000.000đồng. Vì vậy, khi ly hôn, anh V yêu cầu chị Thị T phải trả lại cho anh số toàn bộ số tiền, vàng này.

Trong quá trình giải quyết; anh V xin rút lại toàn bộ yêu cầu đòi lại số tài sản trên, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** *Bị đơn chị Thị T trình bày:***

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Thị T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** *Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Lý V được ly hôn với chị Thị T;

Về con chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn anh Nguyễn Lý V yêu cầu được ly hôn với chị Thị T.

Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn chị Thị T cư trú tại ấp G, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự HĐXX có cơ sở xác định: Vào đầu năm 2024, anh Nguyễn Lý V và chị Thị T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh V và chị T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2024. Như vậy, hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Sau thời gian 01 tháng về chung sống với nhau giữa anh V và chị T có phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là về tình cảm vợ chồng và tính tình không hợp nhau; vì theo anh V cho rằng giữa anh và chị T không có tiếng nói chung nên hay cãi nhau, sau đó chị T không còn chung sống với anh nữa mà bỏ về cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian sống ly thân giữa anh và chị T không

còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, anh V cương quyết ly hôn với chị Thị T.

Mặc khác; Tòa án cũng đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt; điều này cũng thể hiện chị T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị với anh V. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh V và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận cho anh Nguyễn Lý V được ly hôn với chị Thị T.

[3.2] *Về con chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện khác.

[3.3] *Về tài sản*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V có đơn xin rút lại yêu cầu đòi lại tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh V là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu đòi lại tài sản của anh V đối với chị Thị T.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tại phiên tòa là có cơ sở được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì anh Nguyễn Lý V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Lý V được ly hôn với chị Thị T.

2/ Về con chung và nợ chung: Không xét.

3/ Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Lý V về việc yêu cầu chị Thị T phải trả cho anh số toàn bộ số tiền, vàng nêu trên.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Lý V phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 3.497.000đồng theo biên lai thu số: 0001310, ngày 01/04/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.197.000đồng, chị T không phải nộp án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp